

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
Số:3825 / TB - XHNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 7 Tháng 7 Năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng năm 2026

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn công khai hình thức hiện thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 6 tháng năm 2026 như sau:

Số TT	Nội dung	Thực hiện năm 2025	Dự toán giao năm 2026	Thực hiện 6 tháng năm 2026	ĐV tính: Đồng	
					Thực hiện 6 tháng năm 2026/Dự toán giao năm 2026 (tỷ lệ %)	Thực hiện 6 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6	7
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Tổng số thu					
	- Học phí, lệ phí, hoạt động tài chính					
	- Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ khác					
II	Chi từ nguồn thu được để lại					

Số TT	Nội dung	Thực hiện năm 2025	Dự toán giao năm 2026	Thực hiện 6 tháng năm 2026/Dự toán giao năm 2026 (tỷ lệ %)	Thực hiện 6 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Học phí, lệ phí, hoạt động sản xuất kinh doanh				
	- Hoạt động tài chính				
	- Dịch vụ khác				
III	Số nộp NSNN				
	- Từ nguồn thu hoạt động sản xuất kinh doanh				
	- Từ nguồn thu khác				
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	79.523.110.528	100.211.492.012	44.293.933.790	
A	Vốn trong nước	77.393.753.772	99.111.492.012	44.293.933.790	44,69
I	Giáo dục, đào tạo	69.140.646.472	86.479.284.712	39.560.652.603	45,75
1	Loại 070 - khoản 074				
1.1	Kinh phí thường xuyên				
1.2	Kinh phí không thường xuyên				
2	Loại 070 - khoản 081	65.940.646.472	81.479.284.712	36.825.630.718	45,20
2.1	Kinh phí thường xuyên	53.789.646.472	54.039.284.712	32.206.885.018	59,60
2.2	Kinh phí không thường xuyên	12.151.000.000	27.440.000.000	4.618.745.700	16,83
3	Loại 070 - khoản 082	3.200.000.000	5.000.000.000	2.735.021.885	54,70
3.1	Kinh phí thường xuyên	3.200.000.000	5.000.000.000	2.735.021.885	54,70
3.2	Kinh phí không thường xuyên				
II	Khoa học và Công nghệ				
1	Loại 100- khoản 101	5.002.107.300	9.452.607.300	3.635.107.300	38,46
1.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	5.002.107.300	9.452.607.300	3.635.107.300	38,46
1.2	Kinh phí thường xuyên				
1.3	Kinh phí không thường xuyên				
2	Loại 100 - khoản 102				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				

Số TT	Nội dung	Thực hiện năm 2025	Dự toán giao năm 2026	Thực hiện 6 tháng năm 2026	Thực hiện 6 tháng năm 2026/Dự toán giao năm 2026 (tỷ lệ %)	Thực hiện 6 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2.2	Kinh phí thường xuyên					
2.3	Kinh phí không thường xuyên					
3	Loại 100 - khoản 103					
3.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
III	Sự nghiệp bảo vệ môi trường					
1	Loại 250 - khoản 251					
1.1	Kinh phí thường xuyên					
1.2	Kinh phí không thường xuyên					
IV	Đào tạo học sinh Lào - Campuchia					
1	Loại 400 - khoản 402	3.251.000.000	3.179.600.000	1.098.173.887	34,54	
1.1	Kinh phí thường xuyên					
1.2	Kinh phí không thường xuyên	3.251.000.000	3.179.600.000	1.098.173.887	34,54	
B	Vốn ngoài nước	2.129.356.756	1.100.000.000			
I	Giáo dục, đào tạo					
1	Loại 070 - khoản 081					
II	Kinh phí tài trợ, viện trợ loại 400 - khoản 402	2.129.356.756	1.100.000.000			

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Các cơ quan, đơn vị (để biết);
- Lưu: VT; KHTC.

Ngày 7 tháng 7 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



GS.TS. Hoàng Anh Tuấn